TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2025/DS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2025.
Về việc tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- ***Thư ký phiên Tòa****:* Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 24/2025/QĐST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Đặng Thị D,** sinh ngày 02/11/1995 **– Chủ hộ P.**

Địa điểm kinh doanh: Tổ 6, ấp T, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Chị Phan Kỳ D**, sinh năm 2001, địa chỉ: 74/2 ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 3 năm 2025). (Có mặt)

- *Bị đơn:* **1. Anh Lê TRung H**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

2. Ông Lê Thanh T, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị nGọc H, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 11/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, chị Phan Kỳ D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2023, giữa Đại lý Hưng Lộc Phát và anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó Đại lý Hưng Lộc Phát bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H để nuôi tôm, đến cuối vụ anh H, ông T, bà H phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Đại lý Hưng Lộc Phát.

Trong quá trình giao dịch, anh H, ông T, bà H không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho Đại lý Hưng Lộc Phát. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 17/02/2024 anh H, ông T, bà H còn nợ Đại lý Hưng Lộc Phát số tiền là 183.285.000 đồng. Đại lý Hưng Lộc Phát đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh H, ông T và bà H thanh toán nhưng chỉ hứa hẹn không chịu thanh toán hết công nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị D - CHủ hộ P tổng số tiền nợ là 210.667.000 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc là: 183.285.000 đồng.

- Nợ lãi: Yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày ngưng giao dịch (ngày 06/02/2024), nên tính từ ngày 07/02/2024 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2025) là 18 tháng 14 ngày, tính tròn 18 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Cụ thể:

183.285.000 đồng x 0,83%/tháng x 18 tháng = 27.382.000 đồng.

- Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Đối với anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc

nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là 183.285.000 đồng và tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 19/12/2024, Công an xã Phú Thuận, tỉnh Vĩnh Long xác nhận anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H có đăng ký thường trú và còn sinh sống tại ấp Phú Long, xã Phú Thuận, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

[4]. Đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bổ sung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa, là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 183.285.000 đồng và tính lãi suất.

- Cơ sở chứng cứ:

+ Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản ngày 03/4/2023.

+ Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đề ngày 17/02/2024.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) với nhau và số nợ sau khi hai bên kết nợ lại vào ngày 17/02/2024 là 183.285.000 đồng đến nay chưa trả.

Đối với anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[5.1]. Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là:

- Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản ngày 03/4/2023: Thể hiện anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H là bên mua và có ký tên, ghi rõ họ tên tại mục bên mua của Hợp đồng, nội dung thỏa thuận hai bên mua bán các sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Hình thức thanh toán là thanh toán ngay khi thu hoạch tôm.

- Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đề ngày 17/02/2024: Thể hiện nội dung tính đến ngày 06/02/2024 anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T, bà Huỳnh Thị nGọc H còn nợ lại nguyên đơn số tiền 183.285.000 đồng. Khi chốt nợ hai bên có thực hiện việc đối chiếu xác nhận công nợ, được anh Lê TRung H ký xác nhận nợ và ghi họ tên tại mục khách hàng với số tiền nợ là 183.285.000 đồng.

[5.2]. Nay anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H

không có ý kiến gì về các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đều vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập, Thông báo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra Thông báo cho anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh H, ông T, bà H "*về việc Bà Đặng Thị D - CHủ hộ P yêu cầu anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị D - CHủ hộ P tổng số tiền là 183.285.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng, tính từ ngày 06/02/2024 đến khi giải quyết xong vụ án. Tạm tính đến ngày 06/12/2024 là 10 tháng với số tiền lãi 15.213.000 đồng, nên tổng cộng phải trả là 198.498.000 đồng*", nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, bị đơn vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên xem như mặc nhiên anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ nêu trên.

[5.3]. Từ cơ sở trên, xác định được giữa nguyên đơn và anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H có quan hệ giao dịch mua bán thức ăn và thuốc cho việc nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm); được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm Hợp đồng bằng văn bản, được xem là Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua Hợp đồng mua bán thấy rằng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đầy đủ cho bị đơn; đồng thời bị đơn đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại là 183.285.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 280; Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày ngưng giao dịch (ngày 06/02/2024), nên tính từ ngày 07/02/2024 *(vì theo quy định tại mục 6.5, Điều 6 của Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản có thỏa thuận, nếu chưa thanh toán hết nợ thì phải trả thêm lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật, kể từ thời điểm ngưng giao dịch)* đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2025) là 18 tháng 14 ngày, tính tròn 18 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

183.285.000 đồng x 0,83%/tháng x 18 tháng = 27.382.000 đồng.

- Tổng cộng vốn và lãi là: 210.667.000 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 183.285.000 đồng.

+ Nợ lãi: 27.382.000 đồng.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí của số tiền 210.667.000 đồng là:

210.667.000 đồng x 5% = 10.533.350 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 254; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D - CHủ hộ P đối với anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*".

2. Buộc anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị D - CHủ hộ P số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là 210.667.000 đồng (Hai trăm mười triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó:

+ Nợ gốc: 183.285.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

+ Nợ lãi: 27.382.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 10.533.350 đồng (Mười triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

4.2. Bà Đặng Thị D - CHủ hộ P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.962.450 đồng (Bốn triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0011106 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lê TRung H, ông Lê Thanh T và bà Huỳnh Thị nGọc H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên